

Bản án số: 110/2020/HC-PT  
Ngày 14 tháng 5 năm 2020  
“V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Hoàng Minh Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính đã thụ lý số 753/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 1404/2019/HC - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 529/2020/QĐXX-PT ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Đinh Thị Mỹ H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bà H:* Ông Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 1961. (theo giấy ủy quyền có công chứng số 006461/2018/CCBH ngày 29/8/2018). (có mặt)

Địa chỉ: đường M, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H:* Luật sư Phan Trọng

E – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (có mặt)

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B. (theo giấy ủy quyền số 836/UQ – UBND ngày 20/3/2020). (vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Bà Dương Thị Kim H – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện B. (có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trà Thị T, sinh năm 1956; (có mặt)

3.2. Bà Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 1981; (vắng mặt)

3.3. Bà Đinh Thị Hồng Ph, sinh năm 1995 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phúc:* Luật sư Phan Trọng E – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (có mặt)

3.4. Bà Đinh Thị Hồng C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp 5, xã Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Hồng C:* Ông Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: đường M, Phường B, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Phạm Thị Lệ H1, sinh năm 1961; (có mặt)

3.6. Ông Trần Tấn Phi H, sinh năm 1962. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp 5 xã Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C-266442 (sau gọi là Giấy C-266442), vào sổ cấp giấy chứng nhận số 325/Q3 QSDĐ ngày 09/12/1995, Ủy ban nhân dân huyện B (sau gọi là Ủy ban B) chứng nhận cho Đinh Văn T được quyền sử dụng 10.080m<sup>2</sup> đất tại xã Ph huyện B, trong đó có phần diện tích 1.091m<sup>2</sup> thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 2 loại đất thổ vườn.

Ngày 20/7/2018, Ủy ban B cấp cho bà Phạm Thị Lệ H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 709333, số vào sổ cấp GCN: CH 08141 (sau gọi Giấy CL 709333) thể hiện:

- Về đất: Bà H1 được sử dụng thửa đất số 548 tờ bản đồ số 12 với diện tích 162,2m<sup>2</sup>. Thửa 548 phân chiết từ một phần thửa 61, 68 tờ bản đồ số 12 (BĐDC), tương ứng một phần thửa 246 tờ bản đồ số 02 (TL chỉnh lý 1992). Mục đích sử dụng diện tích 162,2m<sup>2</sup>: Đất ở tại đô thị 140m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu

năm diện tích 22,2m<sup>2</sup>.

- Về nhà: Bà H1 được công nhận quyền sở hữu nhà ở đối với diện tích xây dựng và diện tích sàn 111,3m<sup>2</sup>.

Phần đất diện tích 22,2m<sup>2</sup> và phần nhà diện tích 18,7m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ rạch không được công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, nhưng được công nhận là đất trồng cây lâu năm.

Bà H không đồng ý việc cấp Giấy CL 709333 cho bà H1 nên ngày 30/8/2018 đã thực hiện việc khởi kiện tại Tòa, yêu cầu hủy bỏ.

*\* Tại Đơn khởi kiện ngày 30/8/2018 của bà Đinh Thị Mỹ H, các Bản tự khai, Biên bản làm việc và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 19 tháng 8 năm 2019, người khởi kiện Bà Đinh Thị Mỹ H có ông Nguyễn Hoàng Ch đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Đinh Văn T có vợ là Trà Thị T và các con gồm: Đinh Thị Hồng C; Đinh Thị Mỹ L; Đinh Thị Mỹ H và Đinh Thị Hồng Ph.

Tổng diện tích đất theo Giấy C-266442 từ trước đến nay ông T đã chuyển nhượng cho nhiều người, đã đo đạc tách thửa đúng theo quy định pháp luật. Riêng trường hợp chuyển nhượng cho bà H1 theo Giấy tay 06/10/1996 trong giấy tay không xác định được diện tích, ông T mất ngày 14/03/2014, giấy tay này không còn hiệu lực, vợ và các con ông T phải được thông qua.

Năm 2018, bà H1 tiến hành việc hợp thức hóa phần đất trên và có mượn Giấy C-266442 để tách thửa, bà H và các thành viên của hộ gia đình là người thừa kế phần đất, không biết gì về việc mua bán, tách thửa phần đất giữa ông T và bà H1. Bà H1 lợi dụng vợ con của ông T không biết gì bồi dưỡng cho 5.000.000 đồng để mượn Giấy C-266442. Đây là thủ đoạn gian dối. Từ lý do này bà H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy CL 709333 mà Ủy ban B đã cấp cho bà H1.

*\* Tại Văn bản số 1166/UBND ngày 05/4/2019, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn Hồng đại diện theo ủy quyền có ý kiến như sau:*

Theo sổ mục kê tài liệu chính lý 1992 có ghi nhận ông Đinh Văn T sử dụng trọn thửa 246, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.091 m<sup>2</sup>. Theo tài liệu BĐĐC, phần đất thuộc thửa 68, tờ bản đồ 12, chủ sử dụng được ghi nhận ngoài thực địa tại thời điểm lập bản đồ là bà Phạm Thị Lệ H1 và thửa 61, tờ bản đồ số 12, chủ sử dụng được ghi nhận ngoài thực địa tại thời điểm lập bản đồ là ông Phạm Duy Tân.

Theo xác nhận của Ủy ban xã ngày 19/12/2016 tại Đơn đăng ký cấp giấy do bà H1 lập ngày 28/11/2016 thì: Đất có nguồn gốc của ông Đinh Văn T sử dụng, được Ủy ban B cấp giấy chứng nhận vào năm 1995. Năm 1999, ông T chuyển nhượng cho bà H1 sử dụng (bằng giấy tay); Nhà do bà H1 xây dựng năm 1999 sử dụng đến nay; hiện không tranh chấp, khiếu nại.

Căn cứ Tờ Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Văn T, bà Trà Thị T và bà Phạm Thị Lệ H1 lập ngày 02/5/1999 được Ủy ban xã xác nhận ngày 16/6/1999.

Tại Biên bản làm việc ngày 17/4/2017 của Ủy ban xã bà Tư có thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng nhà và đất với diện tích 162,2m<sup>2</sup> cho bà H1 và đồng ý cho bà H1 mượn Giấy chứng nhận gốc để bà H1 bổ túc hồ sơ xin cấp giấy.

Việc Ủy ban B cấp Giấy CL 709333 cho bà H1 là có cơ sở, đúng theo trình tự được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm h Khoản 1 Điều 31; Điều 70 Khoản 2 Điều 82 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận (sau gọi là Nghị định số 43). Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Tại Bản tự khai và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 19 tháng 8 năm 2019, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị T trình bày:*

Theo Giấy tay mua bán thì phần diện tích 2 bên thỏa thuận là chiều ngang 12m, chiều dài ông T sẽ dẫn đi chỉ ranh nên chưa xác định được diện tích đất mua bán. Tờ Hợp đồng xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chữ ký và chữ viết họ tên và ghi cụ thể diện tích 162m<sup>2</sup>/1.091m<sup>2</sup> là không phải chữ viết và chữ ký của vợ chồng bà. Lúc ông T còn sống, vợ chồng bà H1 đã nhiều lần nhờ ký giấy tờ để xin cấp giấy nhưng ông T không chịu ký vì trong quá trình xây dựng bên bà H1 đã xây lấn ranh đất là 60m<sup>2</sup>. Đến khi ông T chết bên bà H1 qua mượn Giấy chứng nhận gốc để làm hồ sơ xin cấp giấy, vì bà không hiểu biết về giấy tờ nhà đất nên đã cho mượn. Theo quy định khi tách thửa sang tên phải đo đạc lại để 2 bên ký xác nhận ranh giới, còn trường hợp của bà H1 bà không thấy đo đạc và gia đình bà cũng không tham gia vào việc ký xác nhận ranh giới đất cho bà H1.

Việc Ủy ban B cấp giấy cho bà H1 là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà đề nghị chấp nhận Tòa án yêu cầu khởi kiện của bà H.

*\* Tại Bản tự khai và ngày 19 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Hồng C; bà Đinh Thị Mỹ L và bà Đinh Thị Hồng Ph có lời trình bày giống người khởi kiện và bà Trà Thị T.*

*\* Tại Bản tự khai và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 19 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Lệ H1 và ông Trần Tấn Phi H trình bày:*

Ngày 06/10/1996, bà H1 có mua phần đất thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 2 của ông Đinh Văn T và bà Trà Thị T, việc mua bán có lập giấy tay đề cùng ngày. Đến ngày 02/5/1999, hai bên có lập lại Tờ hợp đồng xin được chuyển quyền sử dụng đất để xác định diện tích chuyển nhượng là 162m<sup>2</sup> theo hướng dẫn của Ủy ban xã Ph, Tờ Hợp đồng Ủy ban xã Ph có xác nhận tình trạng quy hoạch sử dụng đất. Ngày 03/5/1999 bà H1 làm đơn xin sử dụng đất xây dựng

nhà ở và bà đã tiến hành xây dựng cấp 4 để ở, trong quá trình xây dựng bà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 67/QĐ-UBV-XP ngày 18/6/2001. Sau đó bà được ủy ban B cấp số nhà theo Thông báo số 8075/TB-UB ngày 11/9/2001. Hằng năm gia đình có thực hiện nghĩa vụ thuế cho NNT với diện tích 162m<sup>2</sup>. Năm 2016, bà H1 tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy và đã được Ủy ban B chấp thuận theo 709333. Ông bà không chấp nhận việc khởi kiện của bà H.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1404/2019/HC - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ H về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 709333, số vào sổ CH08141 ngày 20 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Phạm Thị Lệ H1.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/10/2019 người khởi kiện bà Đinh Thị Mỹ H làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện luật sư cho rằng: Ông T không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H1, từ chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã là không đúng – hợp đồng chuyển nhượng không ghi số tiền. Bà Tư người không biết chữ nên có xác nhận đã sang nhượng cho bà H1 162m<sup>2</sup> cũng như ký giáp ranh để bà H1 cấp giấy là ký không đúng. Tòa sơ thẩm không đưa ông T tham gia tố tụng là vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H1.

Bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cho rằng: Bà H1 đã trực tiếp quản lý sử dụng đất và làm nhà trên đất từ năm 1999. Quá trình quản lý sử dụng bà H1 làm nghĩa vụ thuế đầy đủ. Khi xem xét đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 huyện đã tiến hành thông báo, niêm yết công khai đúng quy định không ai khiếu nại nên huyện đã cấp cho bà H1.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà H1, trong phạm vi vụ án này xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng không. Căn cứ các chứng cứ cho thấy trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Bà H kháng cáo yêu cầu giám định chữ ký của ông T trong hợp đồng, việc này không cần thiết vì thực tế bà H1 quản lý sử dụng diện tích đất này từ năm 1999, ông T chết năm 2019 khi còn sống ông T không khiếu nại

việc quản lý sử dụng của bà H1, bản thân bà Tư (vợ ông T) đã ký vào hồ sơ để bà H1 xin cấp giấy một cách tự nguyện. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của các bên đương sự cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ H là có căn cứ bởi vì:

[1] Theo sổ mục kê tài liệu chính lý 1992 ghi nhận ông Đinh Văn T sử dụng trọn thửa 246 tờ bản đồ số 2, diện tích 1091m<sup>2</sup>. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ngày 19/12/2016 tại đơn đăng ký cấp giấy do bà H1 lập ngày 28/11/2016 ghi: Đất có nguồn gốc của ông Đinh Văn T sử dụng được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận vào năm 1995. Năm 1999 ông T báo cho bà H1 (*bằng giấy tay*) nhà do bà H1 xây cất từ năm 1999 đến nay, không có ai tranh chấp. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Văn T, bà Trà Thị T với bà Phạm Thị Lệ H1 lập ngày 02/5/1999 được sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã. Tại biên bản làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ph có bà Trà Thị T, Đinh Thị Mỹ H, Phạm Thị Lệ H1 (*bút lục 55 và 106*) bà Tư thừa nhận vợ chồng bà có chuyển nhượng một phần đất ranh giới đất hai bên rõ ràng, không tranh chấp khiếu nại gì, bà chỉ không đồng ý cho bà H1 mượn sổ để chỉnh lý biên động. Hàng năm bà H1 nộp thuế theo luật định.

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Lệ H1 là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về phần mình nguyên đơn cho rằng chỉ chuyển nhượng cho bà H1 102m<sup>2</sup> chứ không phải 162,2m<sup>2</sup>. Nguyên đơn không xuất trình chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Chứng cứ có tại hồ sơ đã phủ nhận lời trình bày của nguyên đơn cụ thể:

- Ngày 02/5/1999 ông Đinh Văn T và bà Trà Thị T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Lệ H1 diện tích 162m<sup>2</sup>/1091m<sup>2</sup> mà ông T được cấp sổ. Trong hợp đồng có nội dung cam kết “*Tờ hợp đồng này chỉ có giá trị thực hiện khi nào cấp có thẩm quyền cấp phép giao đất cho bà Phạm Thị Lệ H1*” bà H1 đã nhận đất và trực tiếp quản lý sử dụng và làm nhà trên đất từ năm 1999. Khi làm việc tại Ủy ban nhân dân xã bà Tư thừa nhận có bán cho bà H1 162m<sup>2</sup> (*lút lục 106*).

- Bà H1 đã được cấp sổ nhà từ năm 2001 và sổ hộ khẩu từ năm 2010.

- Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 cơ quan chức năng đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định (*bút lục 107, 108, 109 và 110*) hết thời gian niêm yết bản thân nguyên đơn không có ý kiến gì.

- Cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 và điều chỉnh tỷ lệ giảm đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

**[3]** Với các chứng cứ như đã phân tích và viện dẫn nêu trên cho thấy quá trình xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B đối với trường hợp của bà Phạm Thị Lệ H1 là phù hợp với khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ.CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Từ phân tích trên bác yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Mỹ H, giữ y án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Mỹ H. Giữ y án sơ thẩm số 1404/2019/HC - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; điểm a Khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 101; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm h Khoản 1 Điều 31; Điều 70 và Khoản 2 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 709333, số vào sổ CH08141 ngày 20 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Phạm Thị Lệ H1.

2/ Về án phí: Bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (*theo biên lai thu số 0024906*

*ngày 06/11/2019 – do ông Nguyễn Hoàng Ch nộp thay - của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí phúc thẩm.*

3/ Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**